

Bản án số: 27/2018/DS-PT

Ngày 11-10-2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Tuyền

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Thiệm

Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Nguyệt Minh - Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Đào Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2018/TLPT-DS ngày 30 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2018/DS-ST ngày 08 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2956/2018/QĐ-PT ngày 14 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3042/2018/QĐ-PT ngày 27 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Đinh Văn N và bà Nguyễn Thị Hạnh N1; cùng nơi cư trú: Số A đường B, phường C, quận D, thành phố Hải Phòng.

*Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Hạnh N1:* Ông Đinh Văn N; nơi cư trú: Số A đường B, phường C, quận D, thành phố Hải Phòng, là người đại diện theo ủy quyền “Văn bản ủy quyền ngày 18 tháng 9 năm 2018”.

Ông Đinh Văn N có mặt, bà Nguyễn Thị Hạnh N1 vắng mặt.

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn B1 (tên gọi khác Nguyễn Trọng B1) và bà Vũ Thị Xuân H; cùng nơi ĐKKHTT: Tổ E, phường F, quận G, thành phố Hải Phòng; cùng nơi cư trú: Thôn I, xã K, huyện L, thành phố Hải Phòng.

Ông Nguyễn Văn B1 và bà Vũ Thị Xuân H đều có mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Đinh Văn N và bị đơn ông Nguyễn Văn B1 (Nguyễn Trọng B1).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo tài liệu có trong hồ sơ và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:*

Ông Đinh Văn N và ông Nguyễn Văn B1 là bạn đồng ngũ. Sau khi xuất ngũ, ông B1 làm giám đốc Công ty Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng. Năm 2003, ông N vào làm việc tại Công ty và được bổ nhiệm làm Đội trưởng đội thi công công trình. Năm 2006, ông N và ông B1 có hành vi vi phạm pháp luật và bị xử lý về trách nhiệm hình sự. Ngày 28 tháng 7 năm 2009, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao đã xử ông N 08 năm tù về tội “Tham ô tài sản” và tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”, ông B1 bị xử 08 năm tù về tội “Lập quỹ trái phép” và tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”. Năm 2010, ông N chấp hành án xong. Năm 2012, ông B1 chấp hành án xong.

*\* Theo nguyên đơn là ông Đinh Văn N và bà Nguyễn Thị Hạnh N1 thì:*

Trong thời gian làm việc cùng ông B1 tại Công ty Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng, từ ngày 06 tháng 10 năm 2003 đến 20 tháng 01 năm 2004, ông N nhận thi công công trình xây dựng ngôi nhà 03 tầng diện tích sử dụng 70m<sup>2</sup> tại số 649 đường Trường Chinh, phường Lãm Hà, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng cho vợ chồng ông Nguyễn Văn B1 và bà Vũ Thị Xuân H. Sau khi quyết toán công trình, ông B1, bà H còn nợ ông số tiền là 466.453.000 đồng đến nay vẫn chưa thanh toán.

Ngày 05 tháng 5 năm 2005, vợ ông N là bà Nguyễn Thị Hạnh N1 cho ông B1 vay số tiền là 1.200.000.000 đồng với lãi suất là 0,85%/1 tháng, thời hạn trả nợ là tháng 12 năm 2005. Khi cho ông B1 vay khoản tiền này, vợ chồng ông N đã trực tiếp cầm tiền đến phòng làm việc của ông B1 tại Công ty Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng để giao tiền cho ông B1. Ông B1 đã nhận đủ số tiền và trực tiếp ký tên vào phần người vay tiền trong giấy vay tiền, vợ ông N là bà Nguyễn Thị Hạnh N1 ký vào bên người cho vay tiền. Vì đây là việc vay mượn cá nhân, ông N không muốn liên quan đến Công ty nên ông N đã không ký vào giấy vay tiền này. Khi giao tiền chỉ có hai vợ chồng ông N và ông B1, ngoài ra không có ai khác chứng kiến việc này.

Ngày 14 tháng 5 năm 2005, vợ chồng ông N cho ông B1 vay số tiền 250.000.000 đồng. Khi vay có lập văn bản và ông B1 có ký tên vào phần người vay tiền, vợ ông N là bà Nguyễn Thị Hạnh N1 có ký tên vào phần người cho vay tiền trong giấy vay tiền.

Do lâu ngày không thấy ông B1 trả tiền, ông N đã nhiều lần yêu cầu ông B1 thanh toán nhưng ông B1 không thanh toán nên ngày 12 tháng 10 năm 2015, ông N, bà N1 khởi kiện ông B1 và bà H đến Tòa án yêu cầu:

- Ông B1, bà H phải thanh toán số tiền còn nợ khi ông N thi công công trình xây dựng nhà cho gia đình ông B1 là 466.453.000 đồng.

- Ông B1 phải thanh toán số tiền 1.200.000.000 đồng của lần vay ngày 05 tháng 5 năm 2005 và lãi suất như trong giấy vay tiền hai bên đã thỏa thuận là 0,85%/tháng.

- Ông B1 phải thanh toán số tiền 250.000.000 đồng của lần vay ngày 14 tháng 5 năm 2005.

Ngày 05 tháng 5 năm 2017, ông N và bà N1 có Đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu ông B1 và bà H phải thanh toán cho ông N và bà N1 số tiền còn nợ khi thi công công trình nhà 03 tầng là 466.453.000 đồng.

Ngày 26 tháng 10 năm 2017, ông N và bà N1 có Đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu ông B1 và bà H phải thanh toán cho ông N và bà N1 số tiền vay ngày 14 tháng 5 năm 2005 là 250.000.000 đồng.

Ông N, bà N1 vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết đối với yêu cầu ông B1 phải thanh toán số tiền vay ngày 05 tháng 5 năm 2005 là 1.200.000.000 đồng, lãi suất tính đến ngày 05 tháng 5 năm 2018 là 1.601.400.000 đồng và phải tiếp tục trả lãi cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

*\* Theo bị đơn ông Nguyễn Văn B1 (Nguyễn Trọng B1), bà Vũ Thị Xuân H thì:*

Ông B1 và bà H không vay mượn tiền cũng như không nợ tiền xây dựng nhà ở của ông N và bà N1 như ông N đã khai.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 20 tháng 10 năm 2017; Biên bản hòa giải ngày 25 tháng 4 năm 2016, ngày 03 tháng 4 năm 2018 và tại phiên tòa sơ thẩm, ông B1 xác định chữ ký trong giấy vay tiền ngày 05 tháng 5 năm 2005 là chữ ký của ông, là do ông ký, ông không yêu cầu giám định chữ ký trong giấy vay nợ này nhưng việc ký đó chỉ là thủ tục giấy tờ theo kế hoạch làm việc của Công ty lúc đó chứ ông không nhận tiền theo giấy nhận nợ như ông N đã trình bày. Khoảng tầm 08 giờ tối ngày 05 tháng 5 năm 2005, ông N có cầm giấy vay tiền đến phòng Kế toán của Công ty gặp ông B1, lúc đó trong phòng có ông Phan Văn T, anh Nguyễn Mạnh H2 và một số người khác nhưng ông B1 không nhớ rõ. Ông N trình bày kế hoạch và đề nghị ông B1 ký vào giấy vay tiền để vay tiền thi công tiếp công trình. Do kế hoạch này đã được bàn bạc từ trước nên sau khi đọc nội dung giấy vay tiền xong, ông B1 đã ký vào phần người vay tiền trong giấy vay tiền đề ngày 05 tháng 5 năm 2005, sau đó kế hoạch của Công ty không thực hiện được nhưng ông B1 đã không thu hồi lại giấy vay tiền này.

Năm 2003, gia đình ông B1 có xây nhà tại số 649 Trường Chinh, phường Quán Trữ, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng nhưng hoàn toàn không liên quan gì đến ông N. Ông B1 biết ông N có vợ là bà Nguyễn Thị Hạnh N1, tuy nhiên ông B1 không có bất cứ việc vay nợ gì đối với bà N1, vì vậy ông B1 không có trách nhiệm gì trong việc thanh toán các khoản nợ mà ông N và bà N1 yêu cầu.

Ngày 05 tháng 5 năm 2017 và ngày 26 tháng 10 năm 2017, ông N và bà N1 rút 02 yêu cầu khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông B1 phải thanh toán số tiền nợ xây nhà là 466.453.000 đồng và số tiền vay ngày 14 tháng 5 năm 2005 là 250.000.000 đồng. Ông B1 và bà H không có ý kiến gì đối với việc ông N và bà N1 rút 02 yêu cầu khởi kiện này.

Đối với yêu cầu của ông N và bà N1 yêu cầu ông B1 phải thanh toán số tiền vay ngày 05 tháng 5 năm 2005 là 1.200.000.000 đồng, lãi suất tính đến ngày 05 tháng 5 năm 2018 là 1.601.400.000 đồng và phải tiếp tục trả lãi cho đến khi thanh toán xong nợ gốc, ông B1 và bà H không đồng ý.

*\* Lời khai của những người làm chứng:* Ông Phan Văn T và anh Nguyễn Mạnh H1 có lời khai thống nhất xác định vào ngày 05 tháng 5 năm 2005, tại phòng giám đốc Công ty, có được chứng kiến việc ông B1 và ông N trao đổi về việc vay tiền để triển khai dự án Cây Lim, thôn Lũng Đông 2, phường Đằng Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng và ông B1 có ký khoảng 04-05 giấy vay tiền trong đó có giấy vay tiền 1.200.000.000 đồng, người cho vay là bà Nguyễn Thị Hạnh N1 nhưng chữ ký bên phần người cho vay để trống. Vào thời điểm đó, cả hai người không nhìn thấy ông B1 và ông N giao tiền cho nhau và cũng không nhìn thấy bà N1 (vợ ông N) đến Công ty.

Với nội dung nêu trên tại Bản án sơ thẩm số 08/2018/DS-ST ngày 08 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng đã quyết định:

*Căn cứ vào Điều 159 Bộ luật Tố tụng dân sự 2004; các điều 26, 35, 39, 184, điểm c, e Điều 217, Điều 218, Điều 219, khoản 2 Điều 244, khoản 2 Điều 228, khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.*

*Căn cứ vào các điều 130, 131, 132, 133, 285, 286, 290, 295, 468, 469, 467, 470, 471 của Bộ luật Dân sự 1995;*

*Căn cứ Điều 149, Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015;*

*Căn cứ vào Điều 48 Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mực thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

*Xử:*

*Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Đình Văn N và bà Nguyễn Thị Hạnh N1. Buộc ông Nguyễn Văn B1 (Nguyễn Trọng B1) phải trả bà Nguyễn Thị Hạnh N1 số tiền là 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng) theo Giấy vay tiền ngày 05 tháng 5 năm 2005.*

*Đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu sau:*

+ *Yêu cầu ông Nguyễn Trọng B1 và bà Vũ Thị Xuân H phải thanh toán 466.453.000 đồng là tiền còn thiếu chưa thanh toán cho ông N khi ông N thi công công trình xây dựng nhà ở 03 tầng cho gia đình ông B1 bà H năm 2003 tại số 649 đường Trường Chinh, phường Lãm Hà, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.*

+ *Yêu cầu ông Nguyễn Trọng B1 phải thanh toán số tiền 250.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 14 tháng 5 năm 2005.*

+ *Yêu cầu ông Nguyễn Trọng B1 phải trả tiền lãi là 0.85%/tháng của số tiền gốc là 1.200.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 05 tháng 5 năm 2005, tính từ ngày 05 tháng 5 năm 2005 đến ngày 05 tháng 5 năm 2018 là 1.601.400.000 đồng.*

Ngoài ra bản án còn tuyên lãi suất thi hành án, nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn ông Đinh Văn N và bị đơn ông Nguyễn Trọng B1 kháng cáo không đồng ý với quyết định của Bản án sơ thẩm, cụ thể:

- Ông Nguyễn Trọng B1 kháng cáo một phần của Bản án sơ thẩm đã xử buộc ông Nguyễn Trọng B1 phải trả cho bà Nguyễn Thị Hạnh N1 số tiền 1.200.000.000 đồng.

- Ông Đinh Văn N kháng cáo một phần của Bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc ông Nguyễn Trọng B1 phải trả cho vợ chồng ông Đinh Văn N, bà Nguyễn Thị Hạnh N1 số tiền lãi tạm tính đến ngày 05 tháng 5 năm 2018 là 1.601.400.000 đồng và phải trả lãi trên số nợ gốc cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền vay.

*Tại phiên toà phúc thẩm:*

\* *Nguyên đơn ông Đinh Văn N trình bày:* Ông giữ nguyên yêu cầu kháng cáo một phần của Bản án sơ thẩm đã quyết định đình chỉ yêu cầu ông Nguyễn Trọng B1 phải trả tiền lãi là 0.85%/tháng của số tiền gốc là 1.200.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 05 tháng 5 năm 2005, tính từ ngày 05 tháng 5 năm 2005 đến ngày 05 tháng 5 năm 2018 là 1.601.400.000 đồng.

\* *Bị đơn ông Nguyễn Trọng B1 trình bày:* Ông giữ nguyên yêu cầu kháng cáo một phần của Bản án sơ thẩm đã xử buộc ông phải trả cho bà Nguyễn Thị Hạnh N1 số tiền 1.200.000.000 đồng. Ông khẳng định ông chưa bao giờ được gặp mặt bà Nguyễn Thị Hạnh N1 để nói vay tiền nên không có việc ông ký giấy vay tiền của bà N1. Việc ông ký tên vào giấy vay tiền ngày 05 tháng 5 năm 2005 là ký bảo lãnh cho ông Đinh Văn N – Giám đốc xí nghiệp xây dựng công trình II, huy động vốn để có tiền mua vật tư thi công tiếp hạng mục điện chiếu sáng của dự án khu dân cư Cây Lim thuộc địa bàn phường Đằng Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

*\* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

- Về việc chấp hành pháp luật : Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung kháng cáo của nguyên đơn: Theo nội dung giấy vay tiền đề ngày 05 tháng 5 năm 2005 thể hiện số tiền vay 1.200.000.000 đồng, lãi suất 0,85%/tháng, thời hạn vay từ 05 tháng 5 năm 2018 đến tháng 12 năm 2005. Ngày 31 tháng 10 năm 2006, ông B1 bị bắt và bị phạt tù 08 năm, ngày 31 tháng 8 năm 2012, ông B1 chấp hành án xong. Ngày 01 tháng 11 năm 2006, ông N bị bắt và bị xử phạt 08 năm tù, ngày 30 tháng 8 năm 2010, ông N chấp hành án xong. Ngày 12 tháng 10 năm 2005, ông N và bà N1 mới tiến hành khởi kiện ông B1 phải thanh toán khoản tiền vay cùng tiền lãi. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận khoản tiền vay mà không chấp nhận khoản tiền lãi là có cơ sở bởi lẽ: Theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 159 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004 quy định thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự là 02 năm, kể từ ngày biết được quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Do vậy, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông N.

- Về nội dung kháng cáo của bị đơn: Ông Nguyễn Văn B1 thừa nhận chữ ký trong giấy vay tiền đề ngày 05 tháng 5 năm 2005 là của mình. Lời khai của nhân chứng là ông Phan Văn T khai thấy cả hai (ông B1 và ông N) cùng ký vào giấy vay tiền là không chính xác bởi lẽ trong giấy vay tiền chỉ có ông B1 ký tên. Lời khai của anh Nguyễn Mạnh H1 khai thấy ông N đưa cho ông B1 khoảng 4 – 5 giấy vay tiền để ông B1 ký nhưng cũng không biết đó là giấy vay tiền nào, nội dung ra sao. Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, bởi lẽ: Việc vay tiền giữa bà N1 và ông B1 được lập thành văn bản, các bên đương sự đều có năng lực hành vi dân sự và thừa nhận chữ ký của mình tại giấy vay tiền. Mặc dù ông B1 không thừa nhận việc nhận tiền nhưng không cung cấp được tài liệu chứng minh việc bị ép buộc hay lừa dối, mục đích và nội dung giao dịch không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Việc thực hiện giao dịch dân sự đúng quy định tại các Điều 130, 131, 132, 133, 468, 469 Bộ luật Dân sự năm 1995. Vì vậy, sự thỏa thuận trong giấy vay tiền ngày 05 tháng 5 năm 2005 giữa các bên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên. Do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn B1.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326 của Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Về án phí phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ, cũng như lời trình bày của các đương sự, quan điểm của Viện Kiểm sát tại phiên tòa,

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Đinh Văn N: Ông N kháng cáo một phần của Bản án sơ thẩm đã quyết định đình chỉ yêu cầu ông Nguyễn Trọng B1 phải trả tiền lãi là 0.85%/tháng của số tiền gốc là 1.200.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 05 tháng 5 năm 2005, tính từ ngày 05 tháng 5 năm 2005 đến ngày 05 tháng 5 năm 2018 là 1.601.400.000 đồng. Theo Giấy chứng nhận vay tiền ngày 05 tháng 5 năm 2005 thì thời gian vay là từ tháng 5 năm 2005 đến tháng 12 năm 2005. Tại Điều 427 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: “*Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng dân sự là 02 năm kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, pháp nhân, chủ thể khác bị xâm phạm.*”. Tại điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03 tháng 12 năm 2012 quy định: Đối với tranh chấp hợp đồng vay tài sản đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp luật thì yêu cầu thanh toán khoản tiền gốc không áp dụng thời hiệu khởi kiện, yêu cầu thanh toán khoản tiền lãi thì Tòa án không giải quyết vì đã hết thời hiệu khởi kiện. Như vậy, trong vụ án này, hết tháng 12 năm 2005, ông B1 không trả tiền lãi cho bà N1 thì bà N1 có quyền khởi kiện ông B1 đến Tòa án trong thời hạn 02 năm (tức đến hết tháng 12 năm 2007). Ngày 31 tháng 10 năm 2006, ông B1 bị bắt và bị phạt tù 08 năm, ngày 31 tháng 8 năm 2012 ông B1 chấp hành án xong. Ngày 01 tháng 11 năm 2006, ông N bị bắt và bị xử phạt 08 năm tù, ngày 30 tháng 8 năm 2010 ông N chấp hành án xong. Thời gian ông B1 và ông N chấp hành án có thể xác định là trở ngại khách quan trong việc khởi kiện. Tuy nhiên đến ngày 12 tháng 10 năm 2015, ông N và bà N1 mới tiến hành khởi kiện ông B1 phải thanh toán khoản tiền vay cùng tiền lãi là đã hết thời hiệu khởi kiện. Do yêu cầu của ông N và bà N1 yêu cầu ông B1 phải trả cho vợ chồng ông N, bà N1 số tiền lãi theo Giấy vay tiền ngày 05 tháng 5 năm 2005 đã hết thời hiệu khởi kiện nên ông N và bà N1 mất quyền khởi kiện. Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, Điều 219 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của ông N, bà N1 là đúng. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông N, cần giữ nguyên nội dung quyết định này của Bản án sơ thẩm.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Trọng B1: Ông B1 kháng cáo một phần của Bản án sơ thẩm buộc ông Nguyễn Trọng B1 phải trả bà Nguyễn Thị Hạnh N1 số tiền 1.200.000.000 đồng. Theo Giấy vay tiền ngày 05 tháng 5 năm 2005 thể hiện tên người vay là Nguyễn Trọng B1, người cho vay là Nguyễn Thị Hạnh N1, số tiền vay là 1.200.000.000 đồng, thời gian vay là từ tháng 5 năm 2005 đến tháng 12 năm 2005, lãi suất là 0,85%/tháng, người vay có cam đoan trả tiền lãi và tiền gốc theo đúng số tiền trên giấy vay tiền, giấy vay tiền có chữ ký của người cho vay là Nguyễn Thị Hạnh N1 và chữ ký của người vay tiền là Nguyễn Trọng

B1. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm, ông B1 đã thừa nhận chữ ký trong Giấy vay tiền ngày 05 tháng 5 năm 2005 là do ông ký. Tuy nhiên, ông B1 trình bày lý do ông ký vào giấy vay tiền này là để làm thủ tục giấy tờ theo kế hoạch làm việc của Công ty, thực hiện kế hoạch xây dựng khu dân cư Cây Lim phường Đằng Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Ông Nguyễn Trọng B1 đã cung cấp những giấy tờ, tài liệu liên quan đến công trình xây dựng khu dân cư phường Đằng Hải nhưng không có tài liệu nào thể hiện sự liên quan giữa việc thực hiện hợp đồng xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất giao cho dân làm nhà ở phường Đằng Hải của Công ty Thương mại Đầu tư và Xây dựng Hải Phòng với khoản tiền 1.200.000.000 đồng vay ngày 05 tháng 5 năm 2005 giữa ông Nguyễn Trọng B1 và bà Nguyễn Thị Hạnh N1. Ông B1 không thừa nhận việc nhận tiền nhưng không cung cấp được tài liệu nào chứng minh việc bị ép buộc hay lừa dối. Vì vậy, sự thỏa thuận trong giấy vay tiền ngày 05 tháng 5 năm 2005 giữa các bên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông B1 không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông B1, cần giữ nguyên nội dung quyết định này của Bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của nguyên đơn ông Đinh Văn N và bị đơn ông Nguyễn Trọng B1 không được chấp nhận nên ông Đinh Văn N và bị đơn ông Nguyễn Trọng B1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Đinh Văn N và bị đơn ông Nguyễn Trọng B1; giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2018/DS-ST ngày 08 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

Căn cứ vào Điều 159 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2004; các điều 26, 35, 39, 184, điểm c, e Điều 217, Điều 218, Điều 219, khoản 2 Điều 244, khoản 2 Điều 228, khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các điều 130, 131, 132, 133, 285, 286, 290, 295, 468, 469, 467, 470, 471 của Bộ luật Dân sự 1995;

Căn cứ Điều 149, Điều 688 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 29, Điều 48 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Đinh Văn N và bà Nguyễn Thị Hạnh N1. Buộc ông Nguyễn Văn B1 (Nguyễn Trọng B1) phải trả bà Nguyễn Thị Hạnh N1 số tiền là 1.200.000.000 đồng (*Một tỷ hai trăm triệu đồng*) theo Giấy vay tiền ngày 05 tháng 5 năm 2005.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu sau:

+ Yêu cầu ông Nguyễn Trọng B1 và bà Vũ Thị Xuân H phải thanh toán 466.453.000 đồng là tiền còn thiếu chưa thanh toán cho ông N khi ông N thi công công trình xây dựng nhà ở 03 tầng cho gia đình ông B1 bà H năm 2003 tại số 649 đường Trường Chinh, phường Lãm Hà, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

+ Yêu cầu ông Nguyễn Trọng B1 phải thanh toán số tiền 250.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 14 tháng 5 năm 2005.

+ Yêu cầu ông Nguyễn Trọng B1 phải trả tiền lãi là 0.85%/tháng của số tiền gốc là 1.200.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 05 tháng 5 năm 2005, tính từ ngày 05 tháng 5 năm 2005 đến ngày 05 tháng 5 năm 2018 là 1.601.400.000 đồng.

\* Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm:

- Nguyên đơn ông Đinh Văn N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Ông Đinh Văn N đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu tiền số 0010134 ngày 19 tháng 6 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Kiến An, thành phố Hải Phòng, được trừ vào tiền án phí dân sự phúc thẩm mà ông Đinh Văn N phải chịu. Hoàn trả ông Đinh Văn N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 15.000.000 đồng (*Mười năm triệu đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0011666 ngày 02 tháng 10 năm 2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

- Bị đơn là ông Nguyễn Trọng B1 phải chịu 48.000.000 đồng (*Bốn mươi tám triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm. Ông Nguyễn Trọng B1 đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu tiền số 0010129 ngày 12 tháng 6 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Kiến An, thành phố Hải Phòng, được trừ vào tiền án phí dân sự phúc thẩm mà ông Nguyễn Trọng B1 phải

chịu. Ông Nguyễn Trọng B1 còn phải nộp 48.000.000 đồng (*Bốn mươi tám triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND quận Kiến An, TP. Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận Kiến An, TP. Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Xuân Tuyến**